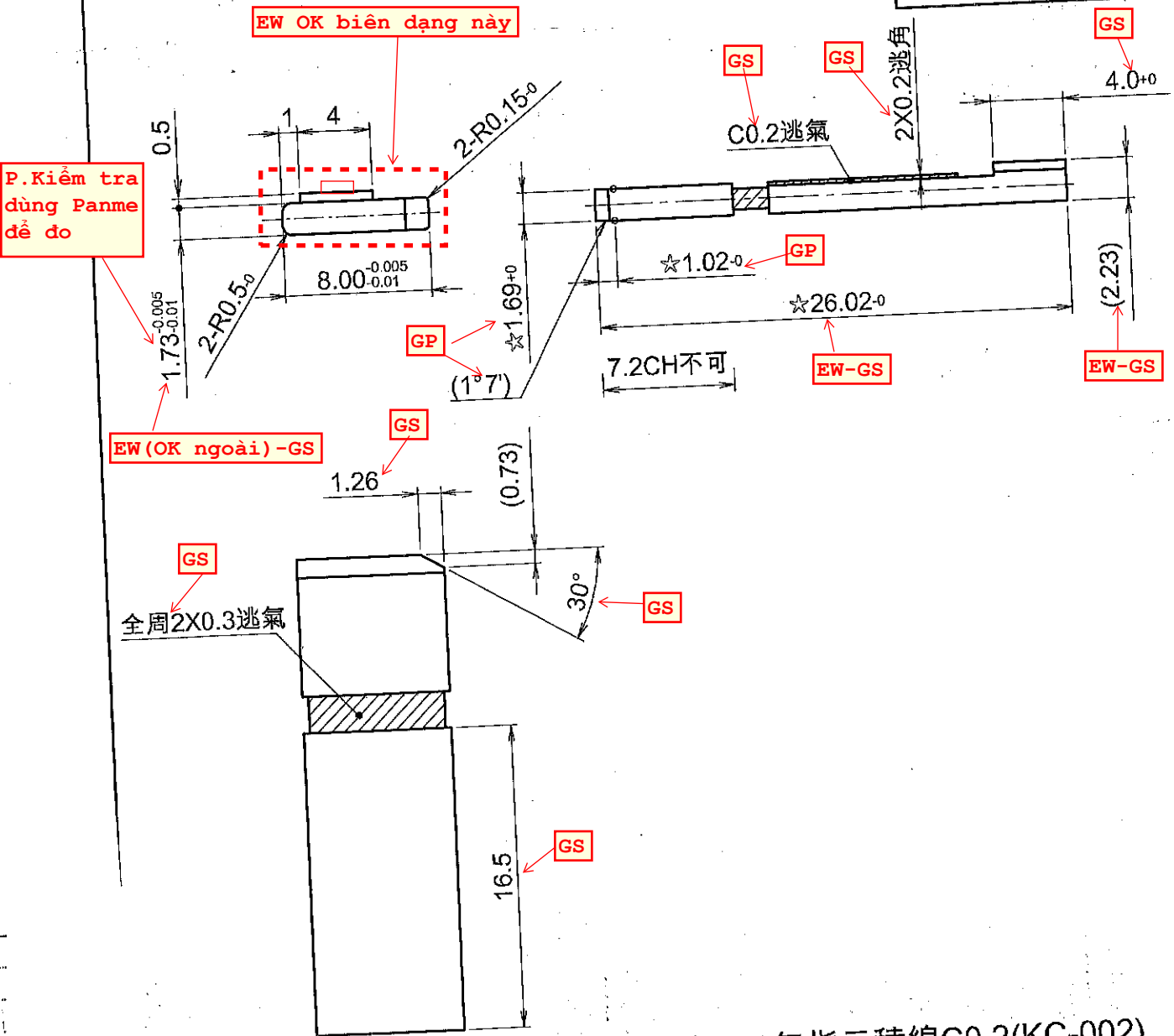
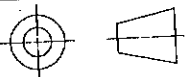


2/23.

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2011/03/30			CHOU_CHIH_PO	Su_Kuei_Hung	0.0000	±0.002	0.000 +0	+0 -0.005
△						0.000	±0.005	0.000 -0	+0.005 -0
△						0.00	±0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△						0.0	±0.1	0.00 -0	+0.01 -0
△						0.	±0.2	0.0 +0	+0 -0.1
△								0.0 -0	+0.1 -0
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED									
FINISH MARKS									
G									



註：1)無指示稜線C0.2(KC-002)
2)."☆"指示處為型合面(KC-029).

31-788AA		TITLE		PARTS NAME	
DWN.	CHKD.	部品図		固定側入子	
CHOU_CHIH_PO	Su_Kuei_Hung	PART DRAWING		STATIONARY SIDE INSERT	
QUENCH&TEMPER	SURFACE	部品図		固定側入子	
HRC 56° ~ 58°		部品図		固定側嵌具	
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.	
RIGOR	2011/03/30	3:1		S837816	
MABUCHI MOTOR CO.,LTD.					

SNO: **S837816**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: VLTD(EW)	EW:90 GS:120 GP:60 KT